

**CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ
LẮP MÁY DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Quang	Chủ tịch
Ông Thái Doãn Thuyết	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Đình Thế	Ủy viên
Ông Phạm Chu Tứ	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Thế	Giám đốc
Ông Trần Vũ Phụng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Chu Tứ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Yên	Phó Giám đốc
Ông Phạm Tất Thành	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2013

Số: 558 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2013, từ trang 3 đến trang 35. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại báo cáo kiểm toán ký ngày 18 tháng 10 năm 2012, Công ty đã điều chỉnh hội to một số số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã ký ngày 22 tháng 02 năm 2012.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 06 tháng 3 năm 2013
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1924/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011 (Sau điều chỉnh)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		349.438.951.644	697.921.107.385
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	101.016.113.926	256.885.890.793
1. Tiền	111		13.464.260.684	69.658.064.334
2. Các khoản tương đương tiền	112		87.551.853.242	187.227.826.459
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		182.488.323.886	295.254.354.358
1. Phải thu khách hàng	131	7	178.810.944.666	203.944.374.124
2. Trả trước cho người bán	132		4.834.791.223	12.774.361.998
3. Các khoản phải thu khác	135	8	3.771.258.138	82.308.273.019
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.928.670.141)	(3.772.654.783)
III. Hàng tồn kho	140	9	61.779.643.201	120.273.816.440
1. Hàng tồn kho	141		61.920.037.264	120.273.816.440
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(140.394.063)	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.154.870.631	25.507.045.794
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		975.127.287	63.469.049
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.096.320.823	21.330.685.239
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.564.023.263
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	2.083.422.521	2.548.868.243
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		953.454.577.654	954.871.571.203
I. Tài sản cố định	220		764.661.296.138	780.053.045.167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	702.435.670.723	754.896.303.042
- Nguyên giá	222		810.335.825.586	815.254.546.697
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(107.900.154.863)	(60.358.243.655)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	35.489.633.343	8.090.529.794
- Nguyên giá	225		39.119.879.670	8.988.130.793
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.630.246.327)	(897.600.999)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	17.553.100.925	16.969.660.252
- Nguyên giá	228		20.389.811.392	18.228.907.392
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.836.710.467)	(1.259.247.140)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	9.182.891.147	96.552.079
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		70.000.000.000	55.000.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	15	70.000.000.000	55.000.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		118.793.281.516	119.818.526.036
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	114.441.369.516	118.843.215.036
2. Tài sản dài hạn khác	268		4.351.912.000	975.311.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.302.893.529.298	1.652.792.678.588

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

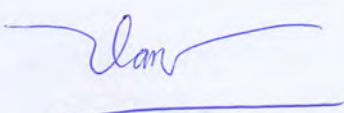
Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
				(Sau điều chỉnh)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		824.236.844.252	1.179.230.533.917
I. Nợ ngắn hạn	310		283.208.688.290	731.136.210.801
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	125.631.090.680	289.309.678.284
2. Phải trả người bán	312		44.519.247.549	148.742.375.639
3. Người mua trả tiền trước	313		7.363.590.055	24.776.111.677
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	5.787.094.456	30.035.141.364
5. Phải trả người lao động	315		19.782.806.441	55.231.761.617
6. Chi phí phải trả	316	19	47.116.839.268	174.023.668.685
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	24.672.733.698	7.144.957.066
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.335.286.143	1.872.516.469
II. Nợ dài hạn	330		541.028.155.962	448.094.323.116
1. Vay và nợ dài hạn	334	21	535.438.587.035	445.648.598.455
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	644.554.475
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		5.589.568.927	1.801.170.186
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		478.656.685.046	473.562.144.671
I. Vốn chủ sở hữu	410		478.656.685.046	473.562.144.671
1. Vốn điều lệ	411	22	375.180.010.000	375.180.010.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	22	42.542.390.789	17.588.336.323
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	22	10.635.597.697	4.397.084.080
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	22	50.298.686.560	76.396.714.268
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.302.893.529.298	1.652.792.678.588

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại		
- USD	5.463,45	20.812,14


Đào Thị Hải Vân
Người lập biểu


Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng


Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

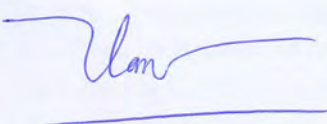
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2012	2011 (Sau điều chỉnh)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	1.196.874.258.212	1.061.913.056.154
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		1.196.874.258.212	1.061.913.056.154
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	972.208.311.221	850.189.218.072
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		224.665.946.991	211.723.838.082
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	18.350.184.477	31.136.816.099
6. Chi phí tài chính	22	26	96.807.340.444	32.616.268.908
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		94.995.708.048	30.623.007.311
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		55.356.183.229	47.437.532.937
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		90.852.607.795	162.806.852.336
9. Thu nhập khác	31		4.974.247.220	2.536.570.896
10. Chi phí khác	32		4.638.032.810	6.170.327.205
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40	28	336.214.410	(3.633.756.309)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		91.188.822.205	159.173.096.027
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	23.758.977.335	41.881.829.377
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		67.429.844.870	117.291.266.650
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.797	4.015


Đào Thị Hải Vân
Người lập biểu


Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng


Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03 - DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2012	2011 (Sau điều chỉnh)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	91.188.822.205	159.173.096.027
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	51.852.019.863	22.062.395.757
Các khoản dự phòng	03	1.296.409.421	2.125.850.603
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(21.051.866)	351.286.350
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(17.238.032.898)	(29.113.072.944)
Chi phí lãi vay	06	94.995.708.048	30.623.007.311
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	222.073.874.773	185.222.563.104
Thay đổi các khoản phải thu	09	53.028.618.106	(233.540.870.466)
Thay đổi hàng tồn kho	10	58.353.779.176	(75.845.647.724)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(286.158.449.676)	101.061.198.710
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.490.187.282	16.424.234.204
Tiền lãi vay đã trả	13	(86.723.893.117)	(35.397.095.055)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(38.366.933.515)	(43.667.469.714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(74.302.816.971)	(85.743.086.941)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.073.765.958)	(478.522.935.443)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	65.000.000.000	42.900.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.422.350.257	15.373.059.682
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	57.348.584.299	(425.249.875.761)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	175.180.010.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	606.226.396.897	889.933.529.184
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(699.145.180.140)	(288.821.703.416)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(12.552.439.203)	(2.418.348.114)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(33.448.752.538)	(63.248.800.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(138.919.974.984)	710.624.687.345
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(155.874.207.656)	199.631.724.643
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	256.885.890.793	57.102.914.691
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ hối đoái giá quy đổi ngoại tệ	61	4.430.789	151.251.459
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	101.016.113.926	256.885.890.793

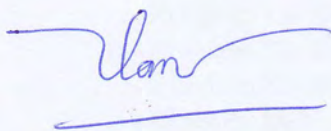
Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 35 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty phải duy trì số dư tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu là 10.000.000.000 VND để thực hiện Hợp đồng tín dụng số 0199/HĐTD2-VIB622/10 ngày 30 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.



Đào Thị Hải Vân
Người lập biểu



Nguyễn Đức Đạt
Kê toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 3500834094, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 04 tháng 9 năm 2012.

Vốn điều lệ của Công ty cổ phần là 375.180.010.000 VND, được chia thành 37.518.001 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các chi nhánh sau:

- Xí nghiệp Xây lắp 1
- Xí nghiệp Xây lắp 2
- Xí nghiệp Xây lắp 3
- Xí nghiệp Dịch vụ Cảng
- Trung tâm Thiết kế và Triển khai Dự án

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 1.643 (31 tháng 12 năm 2011: 1.440).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đào tạo nâng cao cán bộ công nhân kỹ thuật chuyên ngành;
- Kinh doanh bất động sản; đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo ống thép, nhà máy chế tạo cơ khí, thiết bị phục vụ ngành dầu khí; đầu tư xây dựng cảng sông, cảng biển; đầu tư xây dựng các khu công nghiệp; kinh doanh văn phòng nhà ở;
- Sản xuất thiết bị cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển;
- Khảo sát thiết kế, chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hóa lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế cơ khí công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Xây dựng công trình dầu khí (ngoài khơi và trên đất liền); xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cảng sông, cảng biển; xây dựng đô thị;
- Đóng tàu, đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; chế tạo và cung cấp các loại ống thép, ống nối, khớp nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong công nghiệp, lắp đặt các đường dây tải điện, các hệ thống điện dân dụng, công nghiệp;
- Lập thẩm tra báo cáo đầu tư dự án, đầu tư xây dựng công trình; lập tổng dự toán, dự toán các công trình, lập thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp; quản lý dự án; quản lý chất lượng xây dựng công trình; tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu các công trình; khảo sát địa hình, địa chất công trình; thẩm tra tổng dự toán và dự toán chi tiết các công trình;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Bốc xếp hàng hóa tại cảng sông, cảng biển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Mua bán xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan; mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Kinh doanh và cho thuê văn phòng làm việc;
- Kinh doanh cho thuê kho tàng, nhà xưởng;
- Kinh doanh cho thuê phương tiện vận tải;
- Giám sát các công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35KV.

Hoạt động chính của Công ty là khảo sát thiết kế và xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, cầm cố, ký quỹ, ký cược và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, các khoản nợ thuê tài chính và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có vật tư tồn kho hỏng, kém phẩm chất, với giá trị là 105.380.759 VND. Ban Giám đốc Công ty quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho số vật tư nêu trên do giá trị nhỏ, không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	2012
	Số năm
Phương tiện vận tải	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Công ty có quyền sử dụng 1.218 m² đất vô thời hạn và 307,6 m² đất với thời hạn sử dụng là 34 năm tại ấp Gò Lức, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và 3.570,9 m² đất với thời hạn sử dụng là 32 năm tại số 2, Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê hạ tầng, lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình với số tiền 107.135.643.174 VND, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2010 với số tiền là 6.580.700.000 VND và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh trong vòng 3 năm. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, việc phân bổ lợi thế kinh doanh trong thời gian 3 năm là phù hợp với các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản:

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc năm tài chính. Giá vốn của bất động sản bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi thực tế sẽ được ghi giảm vào tài khoản chi phí phải trả này.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH**

Sau khi phát hành báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty ký ngày 22 tháng 02 năm 2012, Ban Giám đốc Công ty đã nhận được báo cáo kiểm toán ký ngày 18 tháng 10 năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Công ty phải điều chỉnh sổ kế toán và báo cáo tài chính năm 2011 theo kết quả kiểm toán. Do đó, Ban Giám đốc Công ty xác định báo cáo tài chính năm 2011 đã phát hành trước đây cần được điều chỉnh cho phù hợp với kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Các điều chỉnh chủ yếu bao gồm:

- Giảm khoản mục "Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng" với số tiền là 88.232.978.632 VND, tăng khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" với số tiền là 8.823.297.863 VND, giảm khoản mục "Người mua trả tiền trước" với số tiền là 34.096.396.333 VND và tăng khoản mục "Phải thu khách hàng" với số tiền là 62.959.880.162 VND do Công ty đã ghi nhận doanh thu nhưng chưa xuất hóa đơn.

- Tăng khoản mục "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" với số tiền là 4.390.248.157 VND, tăng khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" với số tiền là 439.024.816 VND và tăng khoản mục "Phải thu khách hàng" với số tiền là 4.829.272.973 VND do ghi nhận thiếu doanh thu.

- Tăng khoản mục "Tài sản cố định hữu hình - Nguyên giá" với số tiền là 3.264.764.700 VND, tăng khoản mục "Tài sản cố định hữu hình - Giá trị hao mòn lũy kế" với số tiền là 272.063.725 VND và giảm khoản mục "Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp" với số tiền là 2.992.700.975 VND do Công ty đã hạch toán giá trị được vốn hóa vào chi phí trong năm.

- Tăng khoản mục "Tài sản cố định hữu hình - Nguyên giá" với số tiền là 1.841.987.750 VND và tăng khoản mục "Phải trả người bán" một khoản tương ứng do ghi nhận thiếu chi phí đầu tư.

- Tăng khoản mục "Tài sản cố định hữu hình - Nguyên giá" với số tiền là 1.126.873.797 VND, tăng khoản mục "Thu nhập khác" với số tiền là 379.914.240 VND và giảm khoản mục "Chi phí tài chính" với số tiền là 746.959.557 VND do hạch toán chi phí lãi vay đủ điều kiện vốn hóa vào chi phí tài chính năm 2010 và 2011.

- Tăng khoản mục "Chi phí trả trước dài hạn" với số tiền là 1.554.889.956 VND và giảm khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" một khoản tương ứng do hạch toán toàn bộ chi phí cần phân bổ vào chi phí quản lý trong năm.

- Giảm khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" với số tiền là 900.227.120 VND, giảm khoản mục "Tài sản thuế thu nhập hoãn lại" với số tiền là 49.425.682 VND và giảm khoản mục "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại" với số tiền là 850.801.438 VND.

- Giảm khoản mục "Chi phí phải trả" và tăng khoản mục "Thu nhập khác" với số tiền là 1.337.403.202 VND do hoàn nhập chi phí trích trước.

- Tăng khoản mục "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" và tăng khoản mục "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" với số tiền là 718.530.829 VND do trích thêm thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp từ hoạt động kinh doanh bất động sản.

- Tổng ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh hồi tố nêu trên làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2011 tăng 11.402.116.087 VND và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2011 tăng 3.449.246.971 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 ĐÃ ĐƯỢC PHÁT HÀNH (Tiếp theo)**

Ảnh hưởng của các điều chỉnh này như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khoản mục	31/12/2011	Điều chỉnh hồi tố	31/12/2011
	(Trước điều chỉnh)		(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
TÀI SẢN			
Phải thu khách hàng	136.155.220.989	67.789.153.135	203.944.374.124
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	88.232.978.632	(88.232.978.632)	-
Tài sản cố định hữu hình			
- Nguyên giá	809.020.920.450	6.233.626.247	815.254.546.697
- Giá trị hao mòn lũy kế	(60.086.179.930)	(272.063.725)	(60.358.243.655)
Chi phí trả trước dài hạn	117.288.325.080	1.554.889.956	118.843.215.036
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	49.425.682	(49.425.682)	-
NGUỒN VỐN			
Phải trả người bán	146.900.387.889	1.841.987.750	148.742.375.639
Người mua trả tiền trước	58.872.508.010	(34.096.396.333)	24.776.111.677
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17.323.571.714	12.711.569.650	30.035.141.364
Chi phí phải trả	175.361.071.887	(1.337.403.202)	174.023.668.685
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	68.493.270.834	7.903.443.434	76.396.714.268

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Khoản mục	2011	Điều chỉnh hồi tố	2011
	(Trước điều chỉnh)		(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.057.522.807.997	4.390.248.157	1.061.913.056.154
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	853.181.919.047	(2.992.700.975)	850.189.218.072
Chi phí tài chính	33.363.228.465	(746.959.557)	32.616.268.908
Chi phí quản lý	48.992.422.893	(1.554.889.956)	47.437.532.937
Thu nhập khác	819.253.454	1.717.317.442	2.536.570.896
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	147.770.979.940	11.402.116.087	159.173.096.027
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	38.432.582.406	3.449.246.971	41.881.829.377
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	850.801.438	(850.801.438)	-
Lợi nhuận sau thuế	108.487.596.096	8.803.670.554	117.291.266.650

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Khoản mục	2011	Điều chỉnh hồi tố	2011
	(Trước điều chỉnh)		(Sau điều chỉnh)
	VND	VND	VND
Khấu hao tài sản cố định	21.790.332.032	272.063.725	22.062.395.757
Chi phí lãi vay	30.919.645.596	(296.638.285)	30.623.007.311
Thay đổi các khoản phải thu	(219.888.299.630)	(13.652.570.836)	(233.540.870.466)
Thay đổi hàng tồn kho	(71.454.009.227)	(4.391.638.497)	(75.845.647.724)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	92.839.640.948	8.221.557.762	101.061.198.710
Thay đổi chi phí trả trước	17.979.124.160	(1.554.889.956)	16.424.234.204

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	74.224.729	3.280.080.393
Tiền gửi ngân hàng	13.390.035.955	66.377.983.941
Các khoản tương đương tiền (*)	87.551.853.242	187.227.826.459
	101.016.113.926	256.885.890.793

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 33)		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	54.347.447.235	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	27.997.397.388	68.480.858.324
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	9.251.692.177	-
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Khí điện Nhơn Trạch 2	5.916.929.319	5.925.614.721
Ban Quản lý dự án 5B - Cảng xuất Sản phẩm Nhà máy lọc dầu Dung Quất	3.919.952.437	3.919.952.437
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	3.117.157.536	8.960.913.600
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.697.427.999	429.509.373
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.609.783.533	4.204.479.404
Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	1.442.538.737	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	192.300.573	192.300.573
Phải thu khách hàng khác		
Phải thu các cá nhân mua căn hộ chung cư (*)	28.744.563.512	20.285.563.414
Công ty Liên doanh Điều hành chung Hoàng Long	15.533.373.058	82.653.329.264
Công ty TNHH Kỹ thuật và Xây dựng POSCO	11.653.812.826	7.670.312.147
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	9.082.946.164	-
Các đối tượng khác	4.303.622.172	1.221.540.867
	178.810.944.666	203.944.374.124

(*) Phải thu các cá nhân mua căn hộ chung cư nằm trong Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền tương đương khoảng 30% giá trị hợp đồng mua bán và thời hạn thanh toán trong vòng tối đa 03 năm. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và khẳng định các khoản phải thu này sẽ được thu hồi theo đúng thời hạn.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	426.665.453	543.990.844
Phải thu lãi tiền gửi dự thu	310.000.000	494.317.359
Phải thu Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	80.000.000.000
Các khoản phải thu khác	3.034.592.685	1.269.964.816
	3.771.258.138	82.308.273.019

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.362.480.721	513.621.178
Công cụ, dụng cụ	2.070.953.553	1.400.506.231
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.039.747.701	62.097.730.448
Hàng hóa bất động sản (*)	28.446.855.289	56.261.958.583
Cộng	61.920.037.264	120.273.816.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(140.394.063)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	61.779.643.201	120.273.816.440

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư hàng hóa bất động sản phản ánh nguyên giá của các căn hộ chung cư chờ bán nằm trong Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và khẳng định rằng, ngoài số tiền 140.394.063 VND dự phòng giảm giá các căn hộ chung cư, Công ty không cần phải trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	1.694.990.274	2.548.568.243
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	388.432.247	300.000
	2.083.422.521	2.548.868.243

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2012 (sau điều chỉnh)	624.237.824.420	126.715.232.781	51.030.719.648	13.270.769.848	815.254.546.697
Đầu tư, mua sắm mới trong năm	715.000.000	7.959.668.866	-	3.771.374.024	12.446.042.890
Điều chỉnh theo quyết toán	(17.364.764.001)	-	-	-	(17.364.764.001)
Tại ngày 31/12/2012	607.588.060.419	134.674.901.647	51.030.719.648	17.042.143.872	810.335.825.586
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2012 (sau điều chỉnh)	3.450.262.467	38.476.390.221	13.455.619.353	4.975.971.614	60.358.243.655
Khấu hao trong năm	22.350.486.091	12.255.370.500	8.023.971.805	4.912.082.812	47.541.911.208
Tại ngày 31/12/2012	25.800.748.558	50.731.760.721	21.479.591.158	9.888.054.426	107.900.154.863
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2012	581.787.311.861	83.943.140.926	29.551.128.490	7.154.089.446	702.435.670.723
Tại ngày 31/12/2011	620.787.561.953	88.238.842.560	37.575.100.295	8.294.798.234	754.896.303.042

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 21.675.455.993 VND (31 tháng 12 năm 2011: 17.625.566.056 VND).

Như trình bày ở Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp công trình Khu phức hợp chung cư cao ốc văn phòng tại số 2, Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 82.195.158.405 VND (31 tháng 12 năm 2011: 81.436.234.560 VND) và thiết bị để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<u>Phương tiện vận tải</u>
	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2012	8.988.130.793
Thuê tài chính trong năm	30.131.748.877
Tại ngày 31/12/2012	39.119.879.670
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2012	897.600.999
Khấu hao trong năm	2.732.645.328
Tại ngày 31/12/2012	3.630.246.327
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2012	35.489.633.343
Tại ngày 31/12/2011	8.090.529.794

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2012	16.244.034.715	1.984.872.677	18.228.907.392
Mua sắm mới trong năm		2.160.904.000	2.160.904.000
Tại ngày 31/12/2012	16.244.034.715	4.145.776.677	20.389.811.392
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2012	756.911.336	502.335.804	1.259.247.140
Khấu hao trong năm	976.720.992	600.742.335	1.577.463.327
Tại ngày 31/12/2012	1.733.632.328	1.103.078.139	2.836.710.467
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2012	14.510.402.387	3.042.698.538	17.553.100.925
Tại ngày 31/12/2011	15.487.123.379	1.482.536.873	16.969.660.252

Như trình bày ở Thuyết minh số 21, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại số 2, Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 13.841.318.833 VND (31 tháng 12 năm 2011: 14.706.880.000 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Công trình Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị dầu khí tại Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai Bến Đình - Giai đoạn 2	9.086.339.068	-
- Mua sắm tài sản cố định	96.552.079	96.552.079
	9.182.891.147	96.552.079

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản góp vốn vào các công ty sau:

	<u>Số tiền góp vốn</u> VND	<u>Tỷ lệ sở hữu tại</u> <u>ngày 31/12/2012</u> %
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí	65.000.000.000	5%
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (*)	5.000.000.000	1%
	70.000.000.000	

- (*) Công ty cam kết góp vốn vào Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh với số tiền 20.000.000.000 VND, tương đương 4% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty mới thực hiện góp 5.000.000.000 VND, tương đương 1% vốn điều lệ.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách thận trọng rằng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản đầu tư dài hạn vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh không bị giảm giá trị nên không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>31/12/2011</u> <u>(Sau điều chỉnh)</u> VND
Chi phí trả trước về thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	103.055.961.057	105.872.119.929
Lợi thế kinh doanh	182.797.223	2.376.363.889
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	11.202.611.236	10.594.731.218
	114.441.369.516	118.843.215.036

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2012</u> VND	<u>31/12/2011</u> VND
Vay ngắn hạn	34.890.901.798	85.471.501.040
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	34.890.901.798	25.881.253.350
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	51.712.006.411
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	-	7.878.241.279
Nợ dài hạn đến hạn trả	83.338.184.000	202.338.184.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	7.402.004.882	1.499.993.244
	125.631.090.680	289.309.678.284

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (MB) theo Hợp đồng tín dụng số 192/2012/TD-MB-VTA ngày 01 tháng 5 năm 2012. Khoản vay này được rút bằng Đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 250.000.000.000 VND gồm toàn bộ dư nợ ngắn hạn của Hợp đồng tín dụng số 236/2011/TD-MB-VTA ngày 01 tháng 9 năm 2011 hạn mức 200.000.000.000 VND và số dư bảo lãnh 2.221.687 USD theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 239/2011/BL-MB-VTA ngày 11 tháng 8 năm 2011. Khoản vay này có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 30 tháng 4 năm 2013, lãi suất được ghi cụ thể trong từng khế ước nhận nợ (trong năm 2012, lãi suất khoản vay này thay đổi từ 10,5%/năm đến 14%/năm) và được đảm bảo bởi các khoản phải thu phát sinh từ các công trình mà MB thực hiện tài trợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011 (sau điều chỉnh)	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	11.105.398.245	24.740.848.799	30.854.189.204	4.992.057.840
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	796.065.481	796.065.481	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.056.591.451	23.758.977.335	38.366.933.515	448.635.271
Thuế thu nhập cá nhân	2.866.591.676	10.066.089.155	12.586.279.486	346.401.345
Tiền thuế đất	-	14.019.264.000	14.019.264.000	-
Thuế môn bài	-	10.000.000	10.000.000	-
Thuế nhập khẩu	-	86.941.771	86.941.771	-
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	1.006.559.992	21.764.925.672	22.771.485.664	-
Thuế giá trị gia tăng	466.732.355	11.160.987.523	11.627.719.878	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	539.827.637	10.602.938.149	11.142.765.786	-
Thuế môn bài	-	1.000.000	1.000.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30.035.141.364	95.243.112.213	119.491.159.121	5.787.094.456

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	31/12/2011 (Sau điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí trích trước liên quan tới tài sản cố định	539.849.057	110.841.480.640
Chi phí trích trước của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện	20.176.531.344	45.053.544.109
Chi phí lãi vay dự trả	26.400.458.867	18.128.643.936
	47.116.839.268	174.023.668.685

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	20.457.116.620	5.132.467.858
Thuế giá trị gia tăng hàng bán tạm xác định	3.328.666.599	-
Kinh phí công đoàn	377.773.998	584.383.370
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	164.137.520	177.633.295
Tiền ủng hộ vào quỹ an sinh xã hội	-	870.254.841
Phải trả khác	345.038.961	380.217.702
	24.672.733.698	7.144.957.066

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
VAY DÀI HẠN		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	320.000.000.000	480.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (ii)	160.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (iii)	78.038.996.561	99.588.628.561
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (iv)	31.400.000.000	47.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (v)	10.377.085.187	15.565.637.187
Cộng	599.816.081.748	642.154.265.748
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	83.338.184.000	202.338.184.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	-	160.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt	41.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	21.549.632.000	21.549.632.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	15.600.000.000	15.600.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	5.188.552.000	5.188.552.000
Số phải trả sau 12 tháng	516.477.897.748	439.816.081.748
NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN		
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam (vi)	26.362.694.169	7.332.509.951
Cộng	26.362.694.169	7.332.509.951
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	7.402.004.882	1.499.993.244
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	7.402.004.882	1.499.993.244
Số phải trả sau 12 tháng	18.960.689.287	5.832.516.707
TỔNG CỘNG	535.438.587.035	445.648.598.455

Vay dài hạn thể hiện:

- (i) Tại ngày 26 tháng 6 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 083/HĐTD1-OCEANBANK.790-PVCMS với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 480.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất 9,6%/năm, thời hạn vay tối đa không quá 3 năm. Khoản vay được sử dụng để thực hiện đầu tư dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và quyết định không trình bày khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2013 phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu với số tiền 160.000.000.000 VND, do số tiền này sẽ thanh toán bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt khi đến hạn theo Hợp đồng tín dụng số 231/HĐTD-LPBĐĐ ngày 28 tháng 12 năm 2012 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt, với thời hạn vay trong 72 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍSố 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(ii) Tại ngày 28 tháng 12 năm 2012, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 231/HĐTD-LPBDĐ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt với hạn mức vay 480.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay trong 72 tháng và được đảm bảo bởi bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Khoản vay được sử dụng để tái tài trợ dự án xây dựng bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí Sao Mai - Bến Đình - giai đoạn 2.

(iii) Tại ngày 30 tháng 7 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0199/HĐTD2-VIB622/10 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (VIB), với hạn mức vay là 80.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi và áp dụng tại thời điểm giải ngân, quy định trên từng khế ước vay, thời hạn vay trong 6 năm. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là công trình Khu phức hợp chung cư và cao ốc văn phòng tại số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu để thế chấp cho khoản vay này và duy trì số dư tiền gửi thanh toán tại VIB với số tiền là 10.000.000.000 VND trong suốt thời hạn của khoản vay.

Tại ngày 05 tháng 01 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0006/HĐTD2-VIB622/11 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 29.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi áp dụng tại thời điểm giải ngân, quy định trên từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay trong 6 năm và được bảo lãnh bởi Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

(iv) Tại ngày 03 tháng 11 năm 2011, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 264/11/HĐTDTH/DH với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay 47.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân và được điều chỉnh 03 tháng/lần, thời hạn vay trong 36 tháng. Công ty sử dụng 2 xe cầu bánh xích mới mua trong năm 2011 với nguyên giá 73.851.390.000 VND để thế chấp cho khoản vay này.

(v) Tại ngày 08 tháng 10 năm 2009, Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 27/2009/HĐTDTH-TCĐK.CNVT.TD với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu, với hạn mức vay là 31.155.520.000 VND. Khoản vay này được Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam bảo lãnh, thời hạn vay trong 5 năm, lãi suất vay thả nổi, được quy định theo từng khế ước vay.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	83.338.184.000	202.338.184.000
Trong năm thứ hai	477.438.165.187	202.338.184.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	39.039.732.561	237.477.897.748
	<u>599.816.081.748</u>	<u>642.154.265.748</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	83.338.184.000	202.338.184.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>516.477.897.748</u>	<u>439.816.081.748</u>

Nợ thuê tài chính dài hạn thể hiện:

(vi) Số dư nợ thuê tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền 26.362.694.169 VND, trong đó, số dư đến hạn trả trong vòng 1 năm là 7.402.004.882 VND thể hiện các khoản nợ thuê 07 xe ô tô và 1 xe cầu dài hạn của Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam. Công ty trả trước cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam số tiền tương đương 15% giá trị tài sản thuê và ký cược số tiền tương đương 10% giá trị tài sản thuê. Số tiền cho thuê tương đương 85% giá trị tài sản thuê cộng (+) 100% phí bảo hiểm, giá trị mua lại là 1% giá trị tài sản thuê. Lãi suất cho thuê tạm thời (trong thời gian chưa bắt đầu thanh toán tiền thuê) cụ thể theo từng hợp đồng thuê (từ 16,5%/năm đến 17,5%/năm). Sau đó, lãi suất cho thuê bằng 2,5%/năm cộng (+) lãi suất cơ bản là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ, áp dụng cho khách hàng cá nhân của ba ngân hàng bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Sở Giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sở Giao dịch. Thời hạn cho thuê đối với 07 ô tô là 60 tháng, thời hạn cho thuê đối với xe cầu là 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản nợ thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Trong vòng một năm	7.402.008.882	1.499.993.244
Trong năm thứ hai	15.173.388.471	1.536.452.178
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.787.296.816	4.296.064.529
	26.362.694.169	7.332.509.951
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	7.402.004.882	1.499.993.244
Số phải trả sau 12 tháng	18.960.689.287	5.832.516.707

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2011	200.000.000.000	-	-	58.981.927.309
Nhận vốn góp từ các cổ đông	175.180.010.000	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	117.291.266.650
Phân phối quỹ	-	17.588.336.323	4.397.084.080	(21.985.420.403)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	(12.104.266.667)
Tạm chia cổ tức năm 2011	-	-	-	(56.277.001.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(8.609.564.001)
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	(900.227.120)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2012	375.180.010.000	17.588.336.323	4.397.084.080	76.396.714.268
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	67.429.844.870
Phân phối quỹ (i)	-	24.954.054.466	6.238.513.617	(31.192.568.083)
Chia cổ tức năm 2011 (i)	-	-	-	(11.255.400.300)
Chi thưởng Ban quản lý Công ty (i)	-	-	-	(1.084.875.961)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(12.477.027.234)
Tạm chia cổ tức năm 2012 (ii)	-	-	-	(37.518.001.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	375.180.010.000	42.542.390.789	10.635.597.697	50.298.686.560

- (i) Theo Nghị quyết số 53/NQ-KCKL-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2011 như sau:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	24.954.054.466 VND;
- Trích quỹ dự phòng tài chính:	6.238.513.617 VND;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	12.477.027.234 VND;
- Thưởng Ban quản lý Công ty:	1.084.875.961 VND;
- Chia cổ tức năm 2011:	67.532.401.800 VND.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thực hiện tạm chia cổ tức năm 2011 cho các cổ đông với số tiền là 56.277.001.500 VND. Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức của năm 2011 cho các cổ đông với số tiền là 11.255.400.300 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

- (ii) Theo Nghị quyết số 137/NQ - KCKL ngày 31 tháng 10 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt, tỷ lệ 10% mệnh giá, tương đương với số tiền là 37.518.001.000 VND. Các cổ đông của Công ty sẽ phê duyệt mức cổ tức năm 2012 tại Đại hội cổ đông thường niên.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế thay đổi lần thứ 7 ngày 04 tháng 9 năm 2012, vốn điều lệ của Công ty là 375.180.010.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	204.000.000.000	54	204.000.000.000	204.000.000.000
Các cổ đông khác	171.180.010.000	46	171.180.010.000	171.180.010.000
	375.180.010.000	100	375.180.010.000	375.180.010.000

Cổ phiếu

	31/12/2012 Cổ phiếu	31/12/2011 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	37.518.001	37.518.001
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	37.518.001	37.518.001
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2012 VND	2011 (Sau điều chỉnh) VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.149.577.486.670	908.088.936.468
Doanh thu kinh doanh bất động sản	33.216.234.857	92.720.369.430
Doanh thu bán vật tư	1.543.116.363	57.038.808.859
Doanh thu hoạt động khác	12.537.420.322	4.064.941.397
	1.196.874.258.212	1.061.913.056.154

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2012	2011
	(Sau điều chỉnh)	
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	928.614.154.732	698.129.368.763
Giá vốn kinh doanh bất động sản	33.893.593.437	92.720.369.430
Giá vốn bán vật tư	1.543.116.363	56.415.448.779
Giá vốn hoạt động khác	8.017.052.626	2.924.031.100
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	140.394.063	-
	972.208.311.221	850.189.218.072

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012	2011
	(Sau điều chỉnh)	
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.158.032.898	13.297.161.168
Lãi chuyển nhượng cổ phần	2.080.000.000	11.290.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.086.668.924	6.549.654.931
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	25.482.655	-
	18.350.184.477	31.136.816.099

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012	2011
	(Sau điều chỉnh)	
	VND	VND
Chi phí lãi vay	94.995.708.048	30.623.007.311
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.811.632.396	706.969.364
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.029.304.647
Chi phí tài chính khác	-	256.987.586
	96.807.340.444	32.616.268.908

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012	2011
	(Sau điều chỉnh)	
	VND	VND
Chi phí thầu phụ	318.203.771.165	228.108.584.744
Chi phí nhân công	215.015.123.150	285.141.786.865
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	203.559.574.222	262.294.764.218
Chi phí máy thi công	82.824.955.077	57.004.861.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.370.305.844	31.348.078.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.558.728.331	21.813.468.969
Chi phí khác	46.974.053.914	27.557.773.320
	992.506.511.703	913.269.318.576

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	2012	2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Thu nhập khác	4.974.247.220	2.536.570.896
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	2.276.316.417	463.249.721
Thu phí dịch vụ chung cư	868.022.148	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	616.899.675	-
Hoàn nhập chi phí thuế nhập khẩu trích trước	-	1.233.790.942
Thu nhập khác	1.213.008.980	839.530.233
Chi phí khác	4.638.032.810	6.170.327.205
Lợi thế kinh doanh phân bổ	2.193.566.668	548.391.667
Khấu hao tài sản cố định chưa cần dùng	293.291.532	248.926.788
Phạt vi phạm hợp đồng	-	3.140.712.726
Chi phí xây dựng cơ bản bị xuất toán	547.261.273	1.679.280.954
Chi phí dịch vụ chung cư	426.181.451	-
Chi phí khác	1.177.731.886	553.015.070
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	336.214.410	(3.633.756.309)

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2012	2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Lợi nhuận trước thuế	91.188.822.205	159.173.096.027
Trong đó:		
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	92.006.574.848	159.173.096.027
- (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh bất động sản	(817.752.643)	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính:	3.029.334.491	5.480.098.164
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	3.029.334.491	6.713.889.106
Trừ: Các khoản chi phí đã loại trừ năm trước	-	(1.233.790.942)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh chính	95.035.909.339	164.653.194.191
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	(817.752.643)	35.926.541.432
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế suất để tính thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp từ hoạt động kinh doanh bất động sản	2%	2%
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh chính	23.758.977.335	41.163.298.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	718.530.829
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23.758.977.335	41.881.829.377

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012	2011
	(Sau điều chỉnh)	
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.429.844.870	117.291.266.650
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.518.001	29.214.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.797	4.015

31. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Thông báo số 8138/TB-CCT ngày 16 tháng 10 năm 2012 của Chi Cục thuế Vũng Tàu thông báo nộp thuế đất, tổng số tiền Công ty phải nộp (bao gồm lệ phí trước bạ và thuế sử dụng đất) là 25.270.914.000 VND. Công ty đã nộp được 14.018.619.000 VND vào ngày 14 tháng 12 năm 2012; phần còn lại với giá trị 11.252.295.000 VND chưa được nộp do Công ty có Công văn khiếu nại về đơn giá tính thuế sử dụng đất. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Chi cục thuế Vũng Tàu chưa có Quyết định chính thức về việc này, mới chỉ thụ lý hồ sơ khiếu nại của Công ty theo Thông báo số 5986/TB-CCT ngày 30 tháng 11 năm 2012. Do đó, Công ty có một khoản công nợ tiềm tàng với số tiền là 11.252.295.000 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các khoản vay	661.069.677.715	734.958.276.739
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	101.016.113.926	256.885.890.793
Nợ thuần	560.053.563.789	478.072.385.946
Vốn chủ sở hữu	478.656.685.046	473.562.144.671
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,17	1,01

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.016.113.926	256.885.890.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	175.711.820.010	281.331.020.166
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	4.740.344.247	975.611.000
Đầu tư dài hạn	70.000.000.000	55.000.000.000
Tổng cộng	351.468.278.183	594.192.521.959
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	634.706.983.546	727.625.766.788
Phải trả người bán và phải trả khác	68.438.400.525	155.092.826.754
Chi phí phải trả	47.116.839.268	174.023.668.685
Nợ thuê tài chính	26.362.694.169	7.332.509.951
Tổng cộng	776.624.917.508	1.064.074.772.178

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô La Mỹ (USD)	6.010.018.123	49.587.523.875	33.085.595.265	90.901.632.316
Yên Nhật (JPY)	1.173.825.688	1.305.462.412	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ và đồng Yên Nhật.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	2.707.557.714	4.131.410.844
Yên Nhật Bản (JPY)	(117.382.569)	(130.546.241)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ (giảm)/tăng 6.821.393.554 VND (2011: 5.099.165.535 VND), tương ứng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012		
VND	200	(6.821.393.554)
VND	(200)	6.821.393.554
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011		
VND	200	(5.099.165.535)
VND	(200)	5.099.165.535

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan hoặc các khách hàng lớn như trình bày tại Thuyết minh số 33.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.016.113.926	-	101.016.113.926
Phải thu khách hàng và phải thu khác	175.711.820.010	-	175.711.820.010
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	388.432.247	4.351.912.000	4.740.344.247
Đầu tư dài hạn	-	70.000.000.000	70.000.000.000
	277.116.366.183	74.351.912.000	351.468.278.183
31/12/2012			
Các khoản vay (*)	118.229.085.798	516.477.897.748	634.706.983.546
Phải trả người bán và phải trả khác	68.438.400.525	-	68.438.400.525
Chi phí phải trả	47.116.839.268	-	47.116.839.268
Nợ thuê tài chính	7.402.004.882	18.960.685.287	26.362.694.169
	241.186.330.473	535.438.583.035	776.624.917.508
Chênh lệch thanh khoản thuần	35.930.035.710	(461.086.671.035)	(425.156.639.325)

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	256.885.890.793	-	256.885.890.793
Phải thu khách hàng và phải thu khác	281.331.020.166	-	281.331.020.166
Cầm cố, ký quỹ, ký cược	300.000	975.311.000	975.611.000
Đầu tư dài hạn	-	55.000.000.000	55.000.000.000
	538.217.210.959	55.975.311.000	594.192.521.959
31/12/2011			
Các khoản vay	287.809.685.040	439.816.081.748	727.625.766.788
Phải trả người bán và phải trả khác	155.092.826.754	-	155.092.826.754
Chi phí phải trả	174.023.668.685	-	174.023.668.685
Nợ thuê tài chính	1.499.993.244	5.832.516.707	7.332.509.951
	618.426.173.723	445.648.598.455	1.064.074.772.178
Chênh lệch thanh khoản thuần	(80.208.962.764)	(389.673.287.455)	(469.882.250.219)

- (*) Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, công nợ tài chính là các khoản vay có thời hạn từ 1 năm đến 5 năm bao gồm khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2013 phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu với số tiền 160.000.000.000 VND, do số tiền này sẽ thanh toán bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt khi đến hạn theo Hợp đồng tín dụng số 231/HĐTD-LPBĐĐ ngày 28 tháng 12 năm 2012 giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt, với thời hạn vay trong 72 tháng. Do vậy, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày số tiền này trên khoản vay dài hạn

Ban Giám đốc Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao nhưng cũng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012	2011
	VND	(Sau điều chỉnh)
		VND
Doanh thu		
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	238.499.216.080	427.596.518.890
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	155.427.606.024	62.443.312.359
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	4.843.472.084	36.157.265.716
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	4.524.154.875	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.817.407.385	10.942.803.798
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	2.428.509.954	-
Dầu khí biển PTSC	2.079.251.374	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.543.116.363	489.914.810
Ban Điều hành dự án Nhà máy khí điện Nhơn Trạch 2	-	5.093.051.222

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Báo cáo tài chính

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

	2012	2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	79.793.295.815	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí	30.458.448.729	17.428.814.950
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Dầu khí biển - Petrosetco	10.518.781.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	7.258.036.091	9.988.261.577
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí	3.297.614.772	48.278.367.743
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	2.720.580.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	2.626.875.000	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	1.994.171.207	1.293.803.146
Thuê thi công các công trình xây lắp		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5.996.704.577	5.991.270.545
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	2.968.099.854	3.378.890.146
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	15.860.000	246.023.480.876
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	-	135.565.150.580
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	-	11.469.244.986
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	-	9.852.395.858
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	2.311.089.428
Mua dịch vụ khác		
Công ty Cổ phần PVI - Chi nhánh Vũng Tàu	1.289.821.408	2.104.607.303
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	589.978.610
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	504.489.417
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	497.620.638
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	143.359.091
Chi phí lãi vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	8.929.426.652	14.133.974.677
Thu nhập của Ban Giám đốc		
Lương	3.987.774.000	4.450.194.239
Tiền thưởng	1.084.875.961	479.952.906
Cổ tức đã trả cho các cổ đông	33.448.752.538	63.248.800.309

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thăng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	(Sau điều chỉnh) VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	54.347.447.235	-
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	27.997.397.388	68.480.858.324
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	9.251.692.177	-
Ban điều hành Dự án Nhà máy khí điện Nhơn Trạch 2	5.916.929.319	5.924.614.721
Ban điều hành dự án 5B - Cảng sản xuất Nhà máy lọc dầu Dung Quất	3.919.952.437	3.919.952.437
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	3.117.157.536	8.960.913.600
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.697.427.999	429.509.373
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	1.609.783.533	4.204.479.404
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và	1.442.538.737	-
Bảo dưỡng Công trình dầu khí Biển PTSC		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Trung	192.300.573	192.300.573
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	80.000.000.000
Trả trước cho người bán		
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu Khí Miền Trung	2.526.106.710	2.644.925.650
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu Tư và Thiết kế Dầu Khí	-	1.888.638.604
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	1.024.723.492
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	6.118.536.276	26.934.993.937
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật khoan Dầu khí	5.783.471.302	11.537.181.840
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	941.980.692	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương	868.707.672	2.931.137.672
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	865.210.225	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và	767.069.889	-
Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC		
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	477.089.500	2.519.783.730
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	-	12.733.447.001
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	-	28.943.334.224
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế biến Dầu khí Phú Mỹ	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	2.981.156.718	-
Vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam -	-	-
Chi nhánh Vũng Tàu		
- Vay ngắn hạn	-	51.712.006.411
- Nợ dài hạn đến hạn trả	5.188.552.000	5.188.552.000
- Vay dài hạn	5.188.533.187	10.377.085.187
Cổ tức phải trả cho các cổ đông		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	20.400.000.000	5.100.000.000
Các cổ đông khác	57.116.620	32.467.858

CÔNG TY CỔ PHẦN KẾT CẤU KIM LOẠI VÀ LẮP MÁY DẦU KHÍ

Số 2 Nguyễn Hữu Cánh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 21 tháng 01 năm 2013, Công ty có Nghị quyết số 09/NQ-KCKL về việc gia hạn thời gian phân phối chứng khoán của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2012. Theo đó, thời gian đăng ký đặt mua và thu tiền đối với nhà đầu tư được gia hạn đến ngày 27 tháng 02 năm 2013.

35. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp. Trong năm, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 liên quan đến hoạt động xây lắp.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài với Việt Nam.

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại báo cáo kiểm toán ký ngày 18 tháng 10 năm 2012 về báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty đã ký ngày 22 tháng 02 năm 2012 như trình bày tại Thuyết minh số 5.



Đào Thị Hải Vân
Người lập biểu

Ngày 06 tháng 3 năm 2013



Nguyễn Đức Đạt
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Thế
Giám đốc